

VỀ CHÍNH SÁCH TỰ DO TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

ĐẶNG NGHIÊM VẠN^(*)

1. Nước ta là một nước miền Viễn Đông gió mùa nhiệt đới ẩm, có một vị trí địa - chính trị quan trọng, là nơi giao lưu nhiều luồng cư dân, văn hóa, tôn giáo; lại là nơi trải dài dọc theo lịch sử, từ xưa đến nay, phải “tay cày, tay súng”. Đã từ rất lâu, nước ta là một nước đa tôn giáo. Dưới các triều vua phong kiến, tình hình tôn giáo nói chung là yên ả, do bản chất các tôn giáo tiến triển theo xu thế “hòa hợp mà không đồng nhất”, do triều đình có chính sách ưu ái một tôn giáo để trị nước, nhưng vẫn nhân nhượng với các tín ngưỡng tôn giáo khác. Từ thời Độc lập - Tự chủ, Nhà nước đã xây dựng một hệ thống tôn giáo dân tộc trong quan hệ giữa Nhà - Làng - Nước, trên có Trời, có các Vua Hùng, dưới có ông vua - thần cai quản các nhiên thần, nhân thần được nhà nước tấn phong, trấn giữ các nơi, làm thổ thần các địa phương, các làng xã. Đạo tổ tiên theo huyết thống được coi trọng. Thời Lý, Trần, nhà vua ưu ái đạo Phật; sang thời Lê, Nguyễn, đạo Nho được suy tôn. Suốt trong những thế kỉ trước khi đạo Kitô xâm nhập, nước ta không có chiến tranh dưới ngọn cờ tôn giáo, cho dù nhà vua nắm trong tay quyền lực chính trị - tôn giáo, vì thế quyền và thần quyền quện làm một. Không có sự đàn áp đẫm máu vì lí do tôn giáo, cũng không có cuộc khởi nghĩa chống triều đình nhuộm màu sắc tôn giáo⁽¹⁾.

Chủ nghĩa thực dân Pháp xâm chiếm đất nước ta, chủ trương ưu ái một tôn giáo, dùng chính sách chia để trị, phân biệt bộ phận Kitô giáo và không Kitô giáo. Nhằm chống lại âm mưu thâm độc của chủ nghĩa

thực dân, từ khi ra đời, Đảng ta đã lưu ý vấn đề tôn giáo, tuyên bố tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng, đồng thời chống lại việc thực dân Pháp liên kết với các tổ chức tôn giáo thống trị nhân dân ta. Ta có thể thấy rõ trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh⁽²⁾, đã vạch trần âm mưu cấu kết của chủ nghĩa thực dân Pháp và Giáo hội Công giáo trong quá trình xâm lược nước ta và trong quá trình áp bức, bóc lột nhân dân Việt Nam. Ta cũng có thể thấy trong Cương lĩnh của Mặt trận Việt Minh: “...2. Ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân: tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng (tác giả nhấn mạnh - ĐNV), tự do đi lại trong nước, tự do xuất dương. Bỏ chế độ bắt phu và các chế độ áp bức do đế quốc đặt ra”. Trong bài thơ *Mười chính sách của Việt Minh*, Hồ Chí Minh đã viết:

“Hội hè, tín ngưỡng, báo chương

Hợp hành đi lại, có quyền tự do”⁽³⁾

Cách mạng tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh là người nhận thức được một cách đầy đủ và sâu sắc ý nghĩa của khối đại đoàn kết toàn dân đối với công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước, cũng như của tính

*. GS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Những điều trên được thể hiện trong các bộ luật của triều đình, có thể tra cứu ở *Quốc triều hình luật* thời Lê sơ.

2. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tái bản có bổ sung, 1998, tr. 15.

3. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*, Sđd, 1998, tr. 17.

thần độc lập tự do của mọi người. Nền chỉ một ngày sau khi tuyên bố Độc lập, ngày 03 tháng 09 năm 1945, trong phiên họp của Chính phủ, Người đề ra *Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, khẳng định quyền công dân của tất cả mọi người: “*Vấn đề thứ ba:.. Tất cả các công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tín ngưỡng, giòng giống*”⁽⁴⁾. Nhận thấy tầm quan trọng của khối đoàn kết tôn giáo, trong sáu vấn đề, Người đặt hẳn một vấn đề - “*Vấn đề thứ sáu: Thực dân, phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết*”⁽⁵⁾. Tinh thần đó được ghi trong *Hiến pháp của nước VNDCCH* năm 1946: “*Nhân dân ta có quyền tự do tín ngưỡng*” và trong *Chính cương của Mặt trận Liên Việt*, ở điều thứ 7, điểm 1: “*Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng cho mọi người*”. Điều này sau khi được ghi trong *Tám điều mệnh lệnh của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*: “*Điều 4. Bảo vệ đền chùa, nhà thờ, trường học, nhà thương và các cơ quan văn hóa xã hội khác... Chính quyền, quân đội và đoàn thể phải tôn trọng tín ngưỡng, phong tục, tập quán của đồng bào*”⁽⁶⁾.

Như vậy là chính quyền cách mạng non trẻ của đất nước đã khẳng định một nguyên tắc bất di bất dịch là đoàn kết, bình đẳng và tự do tín ngưỡng, bảo vệ các cơ sở thờ tự, nơi đất thiêng của các tôn giáo; đồng thời chống lại âm mưu lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo của kẻ thù dân tộc. Nguyên tắc đó được quán triệt trước sau như một, thể hiện ngày càng đầy đủ và cụ thể trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước trong công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cũng như từ sau ngày hòa bình được lập lại trên Miền Bắc, qua cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tay sai đến ngày đất

nước được hoàn toàn giải phóng và thống nhất. Sau ngày hoà bình lập lại (1955) *Sắc lệnh về vấn đề tôn giáo ngày 14 - 06 - 1955 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, trong Điều 1 khẳng định: “*Chính phủ đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào*”. Trong Sắc lệnh này cũng nêu rõ sự tôn trọng các hoạt động tôn giáo, đồng thời “*Khi truyền bá tôn giáo, các nhà tu hành có nhiệm vụ giáo dục cho các tín đồ lòng yêu nước, nghĩa vụ của người công dân, ý thức tôn trọng chính quyền nhân dân và pháp luật Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*”⁽⁷⁾. Trong hoàn cảnh kẻ thù thường lợi dụng các tổ chức tôn giáo chống phá kháng chiến, phá hoại hòa bình thống nhất, độc lập dân chủ, Điều 7 ghi rõ: “*Pháp luật sẽ trừng trị những kẻ nào mượn danh nghĩa tôn giáo để phá hoại đoàn kết, ngăn trở tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng của người khác, hoặc làm những việc khác trái pháp luật*”. Tinh thần của Sắc lệnh đó được toàn Đảng, toàn dân quán triệt, đã thực hiện có kết quả trong những năm chống Mỹ cứu nước, về cơ bản đảm bảo được sự đoàn kết giữa những người không tín ngưỡng tôn giáo và những người thuộc các tín ngưỡng tôn giáo khác nhau vì mục đích giải phóng và thống nhất dân tộc Việt Nam.

2. Sau năm 1975, dân tộc Việt Nam phải tập trung vào việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và sẵn sàng bảo vệ

4. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập IV, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 07.

5. Hồ Chí Minh. *Sđd*, 1984, tr. 07.

6. Hồ Chí Minh. *Biên niên tiểu sử*, tập V. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 266.

7. Báo *Nhân dân*, ngày 04 - 07 - 1955 trong: *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*. *Sđd*.

Tổ quốc Việt Nam XHCN, trong hoàn cảnh đất nước vừa phải trải qua 30 năm chiến tranh tàn phá ác liệt, nay cần thiết có một nền hòa bình ổn định, một sự đoàn kết keo sơn giữa mọi thành viên thuộc các thành phần dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, từ một điểm xuất phát rất thấp của một đất nước, mà 80% dân cư còn sinh sống bằng nông nghiệp, để xây dựng một đất nước “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” theo định hướng CNXH và nhất định phải được hiện diện một cách xứng đáng trên trường quốc tế.

Con người Việt Nam buộc phải chuyển cách suy nghĩ từ một xã hội thời chiến đơn giản, “khép kín”, bao cấp, tập trung vào một mục đích duy nhất là *chiến thắng*, với một hoài bão duy nhất “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*” sang một xã hội thời bình với những nhu cầu phức tạp của cộng đồng, của bản thân, “mở cửa”, đấu tranh từ *nghèo nàn đi lên*, với những suy tư khác nhau trước những thay đổi lớn, có thành công, có vấp vấp, có cái được, có cái chưa được. Cái *thiện* vật lộn với cái *ác* trong một con người, trong một gia đình, trong một nhóm xã hội, trong cả đất nước. Ai cũng thấy cần thống nhất và phải tự *khẳng định một niềm tin duy nhất và thống nhất: đất nước phải vươn lên bằng anh, bằng em. Nỗi nhục nghèo nàn phải rửa, Việt Nam sẽ ngẩng cao đầu trên trường quốc tế.*

Trước tình hình chuyển tiếp giai đoạn như trên, ta cũng chứng kiến một sự chuyển biến trong nhận thức và trong đời sống tôn giáo của nhân dân. Trước đây, trong không khí sôi sục cách mạng và kháng chiến, người dân cũng dễ tạm gác nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo, cũng như những nhu cầu khác nhau trong đời sống thường ngày sang một bên, vì mục đích duy nhất là chiến thắng. Việc đó dường như đơn giản với người dân một nước

đa/phiếm thần, với tâm thức tôn giáo bàng bạc; cũng như người dân dễ cảm nhận tôn giáo như có một cái gì đó chống đối lại cách mạng, kháng chiến do thực tiễn âm mưu chia để trị trắng trợn của kẻ thù, do hành động của một bộ phận nhỏ người có đạo chống trả chế độ. Họ dễ đồng tình với những ý nghĩ tả khuynh hẹp hòi của một số cán bộ lên án không chỉ những hoạt động lợi dụng tôn giáo của kẻ thù, mà cả bản thân tôn giáo. Xu thế tả khuynh, ấu trĩ và kém hiểu biết đó ở buổi ban đầu trong việc thực hiện chính sách là khó tránh khỏi, nhất là trong tình hình kẻ thù dùng tôn giáo phục vụ không chỉ mục đích chính trị đơn thuần, mà cả những mục tiêu quân sự.

Điều đó đã vô tình gây thêm những đối lập không cần thiết giữa Nhà nước và các tôn giáo, do đẩy dẫn đến thái độ không thấy hết vai trò tôn giáo trong đời sống xã hội, văn hóa, đạo đức... Thành kiến với tôn giáo dẫn đến việc không coi trọng đúng mức vai trò tôn giáo, nhu cầu chính đáng của tín đồ các tôn giáo, vì phạm ngay những điều Đảng và Nhà nước đã đề ra, dẫn đến hậu quả tạo thêm kẻ hở cho kẻ thù và những phần tử xấu trong giới lãnh đạo tôn giáo lợi dụng, lôi kéo quần chúng tín đồ. Điều đó trái với cả tư tưởng của Hồ Chí Minh khi Người tự coi là học trò nhỏ vì thấy rằng các vị từ Khổng Tử, Giêsu, C. Mác, Tôn Dật Tiên đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu lợi ích cho xã hội⁽⁸⁾. Hay khi Người nói lên những lời thán phục của Người đối với các vị sáng lập các tôn giáo từ Đức Kitô, Đức Phật đến Khổng Phu Tử⁽⁹⁾. Nó cũng đồng thời phù hợp với ý của người dân, vì dưới con mắt của họ, các vị trên vẫn là những người cứu nhân độ thế.

8. Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Minh*. Nxb Tam Liên - Thượng Hải (bản Trung văn), 1949, tr. 91.

9. *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*. Sđd, 1996, tái bản 1998.

Sau ngày đất nước được hoàn toàn giải phóng, đời sống trở lại bình thường. Người dân lại lo toan những nhu cầu đời thường, bình dị, nhưng thân thương, trong đó có nhu cầu tôn giáo. Đời sống tôn giáo nhộn nhịp trở lại từ trong gia đình đến ngoài xã hội. Do kinh nghiệm của thời kì kháng chiến, những quần chúng tín đồ có đạo cũng thấy tự mình phải lo phần đạo cũng như phần đời, giữ đạo được trong sáng, không nghe lời của kẻ xấu, tin tưởng vào cách mạng, vào chế độ đã đem lại vinh quang cho Tổ quốc, cho dân tộc, trong đó có bản thân.

Đảng và Nhà nước đã thấy được điều đó, đã mở ra một hướng đúng theo tinh thần của Hồ Chí Minh về chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo, thoả mãn nhu cầu chính đáng của một bộ phận quần chúng nhân dân, đã thấy đạo đức tôn giáo có những điều phù hợp nhất định với chủ nghĩa xã hội. Điều đó được quán triệt trước sau như một, thể hiện ngày càng đầy đủ và cụ thể trong các văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII, trong Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 1992 và trong các văn kiện khác của Đảng và Chính phủ.

Trong Báo cáo chính trị của BCH Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VII có nêu: “Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân. Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành vi vi phạm tự do tín ngưỡng; đồng thời nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân”⁽¹⁰⁾.

Trong Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 có ghi

“Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo, được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo, hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”⁽¹¹⁾. Gần đây Chỉ thị số 37/BCT của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới (ngày 02 - 07 - 1998) cũng như Nghị định số 26/1999/NĐ-CP ban hành ngày 19 tháng 04 năm 1999⁽¹²⁾ đã cụ thể hóa tinh thần của những văn bản trên, được toàn dân đón nhận và mong muốn ban hành một pháp lệnh, tiến tới một bộ luật về tôn giáo.

Tựu trung lại, những nguyên tắc của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa nêu ra thể hiện chủ trương Nhà nước là một Nhà nước theo thể chế thế tục, ở đây mọi công dân được quyền tự do lựa chọn một tín ngưỡng tôn giáo nhất định mà mình tin theo hoặc không theo một tín ngưỡng tôn giáo nào. Tôn giáo tách khỏi Nhà nước; Nhà thờ tách khỏi Nhà trường. Tôn giáo là công việc riêng tư. Mọi người là công dân một nước phải tuân thủ hiến pháp, pháp luật do Nhà nước quy định.

Ở đây, có một điều không nên lầm lẫn cuộc đấu tranh giữa những quan điểm triết học đã tiếp diễn hàng ngàn năm nay và vẫn còn tiếp tục lâu dài, với việc cần thiết định ra chính sách đối với tôn giáo phù hợp với

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 78.

11. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, Hà Nội, 1992, tr. 36.

12. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo. Số 1 - 1999, tr. 7. Xem thêm: Lê Quang Vinh: Về chỉ thị số 37/CTTW của Bộ Chính trị và Nghị định số 26/1999/NĐ-CP của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo. Số 2, 1999, tr. 3 - 7.

hoàn cảnh lịch sử, xã hội từng nước, từng dân tộc. Đó là một nhìn nhận đúng với tinh thần biện chứng lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Lại cũng không nên và không thể áp đặt mọi quan điểm duy vật “máy móc”, “thô thiển” cho người dân của xã hội, trong đó đại bộ phận còn thấy niềm tin tôn giáo là cần thiết. Và lại tôn giáo cũng còn là một bộ phận văn hóa của một cộng đồng người, còn thể hiện trong phong tục tập quán cần thiết với đa số mọi người.

3. Để đảm bảo thực hiện tốt chính sách tôn giáo, tức là có một thái độ ứng xử đúng đắn và phù hợp với vấn đề tôn giáo, từ cả hai phía Nhà nước và người dân, trước hết và hơn bao giờ hết phải đặt việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong vấn đề dân tộc. Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc khi đặt ra khẩu hiệu *Tổ quốc lên trên hết. Tất cả vì chiến thắng*, vấn đề tôn giáo đã được sáng tỏ. Tôn giáo là đi với kháng chiến, là chống lại ngoại xâm. Hiện nay, trong hoàn cảnh thế giới đang tiến triển theo xu thế toàn cầu hóa, trong lúc đất nước cũng đang chuyển nhanh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trên cơ sở mở rộng thị trường; muốn giữ thế chủ động để hội nhập, thiết tưởng một vấn đề cần phải lưu tâm là bảo vệ chủ quyền dân tộc, chủ quyền quốc gia. Hiện nay không còn cảnh ép buộc một dân tộc làm nô lệ, một quốc gia làm thuộc địa như xưa; nhưng nhân danh “toàn cầu”, một số cường quốc còn muốn các nước nhược tiểu từ lệ thuộc về kinh tế, chính trị..., đi đến lệ thuộc về văn hóa, về tôn giáo, lệ thuộc về dân tộc. Ở đây, các dân tộc đang phát triển sẽ phải cúi gằm mặt theo sự sai khiến bởi các thế lực kinh tế, tài chính, chính trị bên ngoài. Một kiểu thực dân mới, một hình thức nô lệ mới.

Dân Việt Nam thấu hiểu cảnh đó hơn ai hết. Tổ tiên ta đã đổ bao xương máu để giữ gìn cho chúng ta mảnh đất thiêng liêng

này. Khơi dậy trong mọi người một ý thức thường trực ta là con Rồng cháu Lạc: “Vua Hùng có công dựng nước, con cháu ta phải giữ gìn đất nước”, trách nhiệm của chúng ta là làm cho dân giàu nước mạnh, bằng anh bằng chị, là điều duy nhất có thể tập hợp được khối đoàn kết toàn dân, trong đó có đoàn kết giữa những người khác đạo.

Nước ta là nước có nhiều tôn giáo. Mỗi cá nhân có thể theo một đạo chính, kể cả những đạo tôn thờ một Đấng Sáng thế, nhưng cũng sẵn sàng tham gia các hành vi tôn giáo khác. Trong tâm thức, họ tôn trọng tín ngưỡng của nhau; ngoài cuộc đời, họ dễ dàng chung sống cùng nhau. Mỗi tôn giáo cũng dễ dàng thu nhận các thánh, thần của các tôn giáo khác vào điện thần của tôn giáo mình; ngược lại cũng dễ dàng để các tín đồ tham gia các hành vi tôn giáo khác. Đạo Công giáo hiện nay cho phép tín đồ theo đạo Tổ tiên, tôn kính không những ông bà cha mẹ, mà cả những danh nhân, liệt sĩ. Đó là một điều thuận lợi, mà ít quốc gia khác có.

Thuận lợi thứ hai là Con người Việt Nam có truyền thống gắn bó với đất nước, xóm làng, gia đình, dòng họ. Cho dù theo một tôn giáo nào khác, tuyệt đại đa số vẫn thấy đạo Tổ tức đạo thờ Trời Đất, thờ người sáng lập đất nước, thờ các bậc có công với nước, với làng, với dòng họ, gia đình là đạo của mình, là đạo nhà.

Trong thực tế đạo đó chiếm một vị trí quan trọng trong các tôn giáo từ Phật giáo, Nho giáo cho đến các đạo Hoà Hảo, Cao Đài. Có thể nói, qua đạo Tổ con người Việt Nam thu hút các tôn giáo ngoại sinh; Phật giáo, Kitô giáo... hoặc tạo nên các đạo mới. Cũng có thể, qua đạo Tổ người Việt Nam dù theo các tôn giáo khác nhau đều dễ cộng cảm với nhau, đều thấy trong đó hình bóng của đất nước, của dân tộc.

Thuận lợi thứ ba, trong thế giới hiện nay, song song với xu thế toàn cầu hóa, có

xu thế trở về với dân tộc. Đó là một phản ứng tất yếu vì không thể biến toàn cầu thành một thế giới đơn sắc. Có sự thống nhất trong đa dạng, chỉ có đa dạng, khối thống nhất mới là hiện thực. Sự phản ứng đó lại càng mạnh lên lúc này, khi toàn cầu đương bị chi phối bởi một siêu cường và các cường quốc đương muốn áp đặt tất cả những cái của họ cho mọi nước trên hành tinh. Ở nước ta, trong lĩnh vực tôn giáo, xu thế tôn giáo gắn liền với dân tộc là xu thế trội. Sức tiếp biến của dân tộc Việt Nam đã dân tộc hóa các tôn giáo ngoại sinh như Phật, Nho, Đạo giáo. Đây là một thực tế. Xu thế đó bị đứt đoạn dưới thời thực dân là do tác động chỗ đậm, chỗ nhạt của chính sách chia để trị, chính sách đồng hoá văn hóa trong đó có tôn giáo, nay đương trở lại như một xu thế tất yếu, một phong trào.

Hơn nữa, dưới con mắt người Việt Nam, để xác định thái độ của bản thân mỗi người với một hay nhiều tôn giáo mình tuân theo, *tiêu chuẩn gắn bó với độc lập dân tộc, với văn hóa dân tộc như là duy nhất*. Thời gian sẽ trôi qua. Một nước Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, với tầm căn cước của mình, sẽ được các thế hệ xây dựng, không chỉ là hi vọng, mà sẽ trở thành hiện thực. Hệ thống tôn giáo truyền thống cũng như các tôn giáo ngoại sinh hay nội sinh cũng phải mang yếu tố dân tộc để tồn tại. Vậy nên nguyên tắc *Đẹp đời, tốt đạo; Sống Phúc âm trong lòng dân tộc; Đạo pháp - Dân tộc - Xã hội chủ nghĩa* đã được đề ra và được hưởng ứng. Vấn đề tôn giáo nếu được giải quyết theo hướng đó một cách đúng đắn, thời số ít phần tử xấu, phản dân tộc, khó có đất hoạt động.

Thực hiện *Đẹp đời, tốt đạo* trực tiếp là các chức sắc. Nếu các vị là người yêu nước chân tu, có trình độ học vấn và trình độ giáo lý cần thiết, thời đạo sẽ trong sạch. Người theo đạo sẽ là người công dân tốt, một tín đồ tốt. Nội dung các tôn giáo là

hướng thiện, vì dân, vì nước. Thiết tưởng tư tưởng của Hồ Chí Minh đối với tôn giáo là điều cần được thực hiện nghiêm chỉnh, lấy đó làm kim chỉ nam để giải lý vấn đề tôn giáo./.

(Kì sau đăng tiếp)

TÌM HIỂU TỔ CHỨC XỨ, HỌ ĐẠO ...

(Tiếp theo trang 37)

Đầu thế kỉ XX, ở địa phận Tây Đà Nẵng thành lập thêm một số hội (họ) Santi, hội (họ) quản giáo. Ngày 8 tháng 9 năm 1902, Giám mục Phêrô Maria Đông (Gendreau) ra thư chung: “Thứ ba: Đã định lập hội Santi trong địa phận này, cho nên nay gửi cho xứ một bản lệ luật hội Santi; Các ông phải xem cho kĩ, để khi nào liệu được mà lập hội ấy trong xứ mình, thì cụ xứ phải viết thư trình cho thầy cấp bằng lập hội. Sẽ bắt đầu lập từ mồng một sang năm mà đi”. Sau đó 3 năm, ngày 14 tháng 9 năm 1905, Giám mục Phêrô Maria Đông ra thư chung về việc lập hội quản giáo trong địa phận.

Trên đây là những hội đoàn được thành lập trong thời kì từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XX.

Tổ chức xứ, họ đạo Công giáo ở miền Bắc nói riêng và ở cả nước nói chung từ đầu thế kỉ XX đến nay có nhiều thay đổi. Việc tìm hiểu tổ chức này cần được tiếp tục. Vì tổ chức xứ, họ đạo cùng những hoạt động của nó là một phần quan trọng trong hoạt động truyền giáo, phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam./.